

Số: **161/2019/QDST-HNGĐ**

Bù Đăng, ngày 15 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số: 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thụy Y; sinh năm: 1982

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Bị đơn*: Anh Trần Duy T; sinh năm 191982

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Anh Điều K; sinh năm 1972

2. Chị Thị H; sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: thôn 6, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

3. Anh Trần Duy P; sinh năm 1988

4. Lê Thị Mười; sinh năm 1956

Cùng địa chỉ: khu Đ, T.tr Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

5. Bà Nguyễn Thị Thanh X; sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

6. Ông Nguyễn V; sinh năm 1961

7. Anh Nguyễn Quốc A; sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

6. Ngân hàng Sacombank chi nhánh huyện B, tỉnh Bình Phước

7. Ngân hàng CSXH Việt Nam – PGD huyện B, tỉnh Bình Phước

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Nguyễn Thụy Y; sinh năm: 1982

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Anh Trần Duy T; sinh năm 1982

Trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Duy T thuận tình ly hôn với chị Nguyễn Thụy Y.

- Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Quỳnh Gi, sinh ngày 12/02/2006 cho chị Nguyễn Thụy Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Giao thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Trần Duy T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Trần Nguyễn Quỳnh Gi, sinh ngày 12/02/2006 số tiền là 2.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu Gi đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng khi Quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

- Về nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí vụ án: Án phí HNGĐ –ST là 150.000 và 150.000đồng án phí cấp dưỡng chị Nguyễn Thụy Y nhận nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 16.900.000 đồng theo Biên lai số 0022049 ngày 25/5/2019 và số tiền 1.625.000đồng theo biên lai số 0009235 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B hoàn trả số tiền còn lại là 18.225.000đồng cho chị Nguyễn Thụy Y theo 02 biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS và Chi cục THA huyện B;
- Tòa án tỉnh Bình Phước;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Điền Thị Hạnh